

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

#### **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên:**

Ông Nguyễn Cự Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Bà Lê Tuyết Mai	Thành viên

#### **Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Cự Tâm	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Bích Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Nguyễn Cự Tâm**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2014





Audit - Corporate Finance

Số: 115/2014/AP - BCKT

## Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, tòa nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng thành viên  
Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 5 năm 2014 từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Cơ sở của việc từ chối đưa ý kiến

- Trong Báo kiểm toán số 111/2013/AP-BCKT ngày 30/5/2013 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối do ảnh hưởng của các hạn chế phạm vi kiểm toán liên quan tới việc không xác nhận được:
  - Số dư tại ngày 31/12/2012 của các khoản mục: Tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản mục công nợ phải thu của khách hàng, phải trả cho người bán, trả trước cho người bán;
  - Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ tại Công ty về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long và giá trị ghi sổ tại công ty con;
  - Khoản lãi vay vốn hóa vào công trình nhà máy nước Đông Anh, chi phí thuê đất, chi phí sử dụng các dịch vụ tiện ích và số tiền phải trả khác liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18.

Đồng thời, trong báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty, kiểm toán viên đã đưa ra các khác biệt trong xử lý kế toán liên quan đến việc trích khấu hao bổ sung theo kết quả kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của nhà máy Dệt kim Haprosimex; lãi vay phải trả và chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng Nhà máy Dệt kim Haprosimex chưa được Công ty hoàn thiện lại trong năm 2013.

Những hạn chế phạm vi kiểm toán và khác biệt trong xử lý kế toán nói trên được đánh giá là tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013. Do ảnh hưởng của những vấn đề nói trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu tại ngày 01/01/2013 là các số liệu tại ngày 31/12/2012 chuyển sang cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013.



- Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và trả trước cho người bán, các khoản tạm ứng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết và thay thế khác để xác nhận được tính hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả tại ngày 31/12/2013 của Công ty. Công ty chưa thực hiện phân tích và đánh giá đầy đủ các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi để làm cơ sở lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi hoặc xóa nợ theo các quy định tài chính hiện hành tại Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính (theo ước tính của chúng tôi, khoản dự phòng tối thiểu cần phải lập đối với các khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng khoảng 38,32 tỷ đồng). Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục công nợ phải thu khách hàng, phải trả cho người bán, trả trước cho người bán và dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị thành phẩm tồn kho của Công ty là 3.169.770.741 đồng, hàng gửi bán là 451.933.216 đồng và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là 6.296.122.546 đồng. Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho trên để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán để đánh giá được giá trị dự kiến có thể thu hồi của lượng hàng tồn kho nêu trên. Đồng thời chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hợp lý của phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Xí nghiệp Dệt Kim Haproximex là đơn vị trực thuộc Công ty. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục hàng tồn kho đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 và ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà máy nước Đông Anh tại ngày 31/12/2013 là 56.715.625.123 đồng trong đó có khoản chi phí lãi vay được vốn hóa là 23.146.586.721 đồng. Theo báo cáo kiểm toán về Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành số 740/BCKT-XD ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giá trị quyết toán công trình là 50.390.679.335 đồng, kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ liên quan đến hạn chế phạm vi kiểm toán nên không xác định tính hợp lý của chi phí lãi vay của nguồn vốn tự có và lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam được vốn hóa vào giá trị công trình với số tiền là 17.148.870.605 đồng. Theo chứng thư thẩm định giá số 00850414/TĐG/BDS-IVC ngày 21/4/2014 của Công ty CP thẩm định giá IVC Việt Nam, giá trị Nhà máy nước Đông Anh là 44.380.957.000 VND. Trong năm 2012 và 2013 Công ty ghi nhận thêm chi phí lãi vay vào giá trị công trình với tổng số tiền lần lượt là 2.918.085.478 đồng và 2.920.883.058 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình nói trên và ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013.
- Trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đánh giá được hiệu quả của các khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Haproximex Thăng Long, Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà, Công ty Cổ phần Haproximex Đông Đô, Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán để đánh giá liệu có khoản tồn thất nào có liên quan tới các khoản đầu tư nói trên cần phải được lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hay không. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của khoản mục đầu tư tài chính dài hạn đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định là Nhà máy Dệt kim Haproximex theo kết quả kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện trích khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, trong năm nay Công ty không trích khấu hao đối với một số tài sản là máy móc thiết bị với chi phí khấu hao ước tính khoảng 19,3 tỷ đồng; các khoản chi phí khấu hao trích thiếu của năm 2010 và 2011 chưa được Công ty hạch toán bổ sung vào Báo cáo tài chính có liên quan. Nếu Công ty hạch toán đủ chi phí khấu hao và bổ sung phần chi phí khấu hao trích thiếu của năm 2010 và 2011 vào năm tài chính hiện tại thì kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2013 sẽ giảm đi với số tiền là khoảng 19,85 tỷ đồng.



- Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh trong các năm 2011, 2012 và 2013 của các khoản vay để đầu tư dự án Nhà máy Dệt kim Haproximex (đã hoàn thành và đưa vào hoạt động chính thức từ năm 2009) với tổng số 126.143.718.170 đồng vào chi phí trả trước dài hạn và 3.053.254.815 đồng vào chi phí phải trả. Nếu Công ty hạch toán chi phí lãi vay trên theo đúng hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành thì giá trị khoản lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2013 của Công ty sẽ tăng thêm số tiền là 129.196.972.985 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa thực hiện phân bổ khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư Nhà máy Dệt kim Haproximex vào chi phí tài chính trong năm với tổng số tiền khoảng 41,3 tỷ đồng. Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư theo đúng quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thì kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 của Công ty sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

#### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

*Chúng tôi xin lưu ý tới các vấn đề sau:*

Như đã nêu tại thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2013 của Công ty bị lỗ khoảng 34,58 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2013 khoảng 203,3 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2013 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 435,3 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền 63,125 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào việc thực hiện tái cơ cấu theo quyết định của chủ sở hữu, khả năng thu hồi đầy đủ và kịp thời các khoản nợ phải thu, cam kết cho vay hoặc điều chỉnh thời gian trả nợ của các ngân hàng và chủ nợ khi các khoản vay và công nợ phải trả đến hạn thanh toán cũng như khả năng sinh lời từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư trong tương lai. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.



**Hoàng Thiên Nga**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1138-2013-148-1

**Bùi Quốc Trung**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1937-2013 -148-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2014*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>65.184.435.597</b>	<b>85.821.585.365</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>139.481.883</b>	<b>11.829.875.654</b>
1. Tiền	111	4	139.481.883	11.829.875.654
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>992.612</b>	<b>992.612</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.327.425	3.327.425
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.334.813)	(2.334.813)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>47.667.434.693</b>	<b>48.339.847.193</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		27.527.021.493	27.705.715.146
2. Trả trước cho người bán	132		12.930.537.132	13.111.654.530
3. Phải thu nội bộ	133		-	67.076.882
5. Các khoản phải thu khác	135	5	12.177.384.089	12.189.760.266
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.967.508.021)	(4.734.359.631)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>11.151.807.570</b>	<b>19.002.515.539</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.151.807.570	19.002.515.539
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.224.718.839</b>	<b>6.648.354.367</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		782.478.985	824.273.583
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	215.145.580
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.442.239.854	5.608.935.204
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>450.933.395.025</b>	<b>440.292.673.464</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>255.515.301.155</b>	<b>276.305.975.139</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	198.551.733.224	222.263.290.266
- Nguyên giá	222		304.163.273.650	307.628.879.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.611.540.426)	(85.365.589.140)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(12.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	56.963.567.931	54.042.684.873
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>54.069.909.689</b>	<b>60.454.029.689</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		29.645.267.289	29.645.267.289
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		24.134.000.000	30.105.600.000
4. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		290.642.400	703.162.400
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>141.348.184.181</b>	<b>103.532.668.636</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	141.348.184.181	103.532.668.636
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>516.117.830.622</b>	<b>526.114.258.829</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Mẫu B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>579.243.066.028</b>	<b>552.320.527.570</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>500.509.586.028</b>	<b>378.537.635.120</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	306.664.606.864	212.538.833.659
2. Phải trả cho người bán	312		18.537.403.792	19.309.866.545
3. Người mua trả tiền trước	313		2.785.121.824	4.389.134.021
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.854.863.744	2.520.476.371
5. Phải trả công nhân viên	315		2.765.367.171	1.802.680.279
6. Chi phí phải trả	316		9.153.330.361	3.868.177.984
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	156.611.162.378	133.931.286.367
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		137.729.894	177.179.894
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.733.480.000</b>	<b>173.782.892.450</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	64.309.250.000	161.004.846.743
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	30.772.980
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	14.404.230.000	12.727.272.727
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>(63.125.235.406)</b>	<b>(26.206.268.741)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(63.125.235.406)</b>	<b>(26.206.268.741)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	177.489.029.214	177.489.029.214
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	17	(41.380.780.043)	(39.050.254.933)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.394.931.275	1.394.931.275
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.313.878.776	2.313.878.776
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		392.265.073	392.265.073
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	17	(203.348.844.742)	(168.760.403.187)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		14.285.041	14.285.041
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>516.117.830.622</b>	<b>526.114.258.829</b>

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2014



Lê Hoàng Ân  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Cự Tâm  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		33.421.326.305	48.647.187.207
2. Các khoản giảm trừ	02		46.323.530	832.603.526
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	33.375.002.775	47.814.583.681
4. Giá vốn hàng bán	11	19	53.861.391.495	70.228.864.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(20.486.388.720)	(22.414.280.768)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	4.721.544.450	3.320.810.805
7. Chi phí tài chính	22	21	6.311.170.594	1.771.950.085
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.071.180.224	1.654.305.792
8. Chi phí bán hàng	24		2.594.057.906	4.927.844.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.758.608.848	15.127.569.840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(36.428.681.618)	(40.920.834.245)
11. Thu nhập khác	31	22	3.048.906.798	10.998.072.836
12. Chi phí khác	32		1.208.666.735	2.112.072.573
13. Lợi nhuận khác	40		1.840.240.063	8.886.000.263
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(34.588.441.555)	(32.034.833.982)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.515.795.058
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(34.588.441.555)	(33.550.629.040)

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2014



Lê Hoàng Ân  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Cự Tâm  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Mẫu B 03 - DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(34.588.441.555)	(32.034.833.982)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.179.983.099	23.251.358.748
- Các khoản dự phòng	03	233.148.390	256.434.024
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.764.008.750)	(3.303.473.062)
- Chi phí lãi vay	06	6.071.180.224	1.654.305.792
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.868.138.592)	(10.176.208.480)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	862.899.638	2.560.776.916
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	7.850.707.969	9.611.907.386
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(13.424.122.211)	(6.172.666.006)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	-	(39.342.531.386)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.338.777.325)	(3.079.942.483)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.686.638.321
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17.917.430.521)</b>	<b>(40.912.025.732)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và đầu tư xây dựng	21	(324.792.000)	(1.402.489.943)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	1.838.372.989	336.830.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	27.568.132.711
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	9.954.992.000	25.117.400.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	987.163.761	3.303.473.062
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>12.455.736.750</b>	<b>54.923.345.830</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17.151.963.954
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.640.300.000	26.394.207.900
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.869.000.000)	(48.028.666.746)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.228.700.000)</b>	<b>(4.482.494.892)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(11.690.393.771)</b>	<b>9.528.825.206</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>11.829.875.654</b>	<b>2.301.050.448</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>139.481.883.017</b>	<b>11.829.875.654</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Lê Hoàng Ân  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Cự Tâm  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. KHÁI QUÁT CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex là công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất, Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội thành công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100101724 ngày 01 tháng 12 năm 2010, Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 0100101724 ngày 19/08/2011.

Tên giao dịch quốc tế là HAPROSIMEX LTD., CO

Công ty có địa chỉ tại số 22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty tại Hà Nội; Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh tại Cộng Hoà Nam Phi và Nhà máy dệt kim Haprosimex.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm:

- a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính sau:
  - Tổ chức các cơ sở hàng dệt, may mặc, dệt len, lắp ráp xe gắn máy, chế biến nông lâm sản để xuất khẩu;
  - Xuất khẩu các mặt hàng: thủ công mỹ nghệ, công nghiệp, hàng nông lâm sản, hải sản, lương thực, thực phẩm, khoáng sản, vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất, phân bón (trừ loại Nhà nước cấm);
  - Nhập khẩu phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, thiết bị vật liệu trang trí nội thất;
  - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
  - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
  - Dịch vụ cho thuê, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị, giao nhận vận chuyển hàng hóa, các dịch vụ đô thị khác;
  - Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
  - Mua, bán, nhập khẩu máy điện thoại và thiết bị viễn thông;
  - Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa; dịch vụ thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ phục vụ khu vui chơi thể thao (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Tổ chức đào tạo, dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Pháp luật;
  - Hợp tác, liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm của Công ty và các sản phẩm liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- b) Đầu tư và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- c) Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex được lập trên cơ sở cộng ngang các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Hà Nội, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Xí nghiệp Dệt kim Haprosimex sau khi đã loại trừ các khoản công nợ phải thu và phải trả nội bộ và các giao dịch nội bộ.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù các số liệu trên Báo cáo tài chính đang thể hiện các khó khăn về tài chính, chi tiết bao gồm:

- Kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty lỗ khoảng 34,588 tỷ đồng, đã làm lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2013 bị âm khoảng 203,348 tỷ đồng;
- Tại ngày 31/12/2013, Số dư Nguồn vốn chủ sở hữu bị âm 63.125.235.406 đồng;
- Nguồn vốn tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty được hình thành từ các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng và các bên cho vay khác. Giá trị của các khoản vay ngắn hạn đến ngày 31/12/2013 với số tiền khoảng 306,66 tỷ đồng, chi phí lãi vay phải trả ước tính cho một năm khoảng hơn 39,52 tỷ đồng;
- Tại ngày 31/12/2013 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 435,3 tỷ đồng.

Các vấn đề nêu trên thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn của Công ty rất thấp, tại ngày 31/12/2013 Công ty không còn khả năng tự tài trợ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Các vấn đề nêu trên đã dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo quyết định của chủ sở hữu, khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong tương lai, việc thu hồi các khoản nợ phải thu, cơ cấu lại các khoản vay, khoản đầu tư dài hạn cũng như cam kết cho vay hoặc điều chỉnh thêm thời gian trả nợ của các ngân hàng, chủ nợ khi các khoản vay và công nợ phải trả đến hạn thanh toán. Báo cáo tài chính này không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận khi hàng hóa đã giao, dịch vụ cung cấp đã hoàn thành, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các Quyết định về kế toán hiện hành và theo các Quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2013, Công ty chưa thực hiện đánh giá số dư các khoản công nợ phải thu cuối năm để làm căn cứ xác định liệu có phải lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi không, hoặc mức cần phải trích lập.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Năm 2013, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được cuối năm để làm căn cứ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng tồn đọng, chậm luân chuyển.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Năm 2013, Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định được Công ty đang áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 4

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là chi phí mua phần mềm kế toán được trích khấu hao trong thời gian 3 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là các khoản đầu tư vào công ty con trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty con.

**Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 20% và không quá 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty liên kết.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Thời điểm trích lập được xác định theo ngày khóa sổ kỳ kế toán.

Do một số hạn chế từ các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty nên trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đánh giá được hiệu quả của các khoản đầu tư vào một số công ty con và công ty liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long, Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà, Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô, Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội nên Công ty chưa có đủ căn cứ để xác định số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần phải lập hoặc ghi nhận thu nhập từ các hoạt động đầu tư này.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất tạm nộp cho Ban quản lý Khu Công nghiệp Ninh Hiệp để thực hiện xây dựng nhà máy dệt kim xuất khẩu, chi phí lãi vay ngắn hạn, dài hạn và công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Tiền thuê đất khu Công nghiệp Ninh Hiệp được phân bổ vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất khi Nhà máy dệt kim Haprosimex xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp có thể thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng nông sản theo giá kỳ hạn được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm phát sinh và được điều chỉnh theo giá chính thức khi chốt giá tại thời điểm thỏa thuận theo hợp đồng bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua; đồng thời doanh nghiệp có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hoá, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được để số dư trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm theo các quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa tiến hành phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư Nhà máy Dệt kim Haprosimex vào chi phí tài chính trong năm, tổng số chênh lệch tỷ giá cần phân bổ khoảng 41,3 tỷ đồng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguồn vốn, quỹ**

Vốn kinh doanh của Công ty do nhà nước cấp bằng tiền hoặc nhận phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp khác.

Lợi nhuận sau thuế và các quỹ của Công ty được phân phối theo các quy định tài chính hiện hành.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 4. Tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	4.432.343	438.431.946
Tiền gửi ngân hàng	135.049.540	11.391.443.708
<b>Cộng</b>	<b>139.481.883</b>	<b>11.829.875.654</b>

## 5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	1.427.949.854	1.448.509.854
Công ty TNHH HANOTEX	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần HAPROSIMEX ĐÔNG ĐÔ	6.046.686.696	6.046.686.696
Công ty SX-XNK Dịch vụ tổng hợp Vĩnh Phúc	72.486.828	72.486.828
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN và đô thị số 18	1.152.896.338	1.152.896.338
Các khoản phải thu khác	477.364.373	469.180.550
<b>Cộng</b>	<b>12.177.384.089</b>	<b>12.189.760.266</b>

## 6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	371.974.040	926.967.016
Công cụ, dụng cụ	664.417.058	725.733.069
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.296.122.546	9.175.602.762
Thành phẩm	197.589.969	184.242.587
Hàng hóa	3.169.770.741	6.965.889.114
Hàng gửi đi bán	451.933.216	1.024.080.991
<b>Cộng</b>	<b>11.151.807.570</b>	<b>19.002.515.539</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>11.151.807.570</b>	<b>19.002.515.539</b>

## 7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	5.442.239.854	5.608.935.204
<b>Cộng</b>	<b>5.442.239.854</b>	<b>5.608.935.204</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Anh	56.715.625.123	53.794.742.065
Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng tại 88 Láng Hạ	52.600.000	52.600.000
Khác	195.342.808	195.342.808
<b>Cộng</b>	<b>56.963.567.931</b>	<b>54.042.684.873</b>

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>29.645.267.289</b>	<b>29.645.267.289</b>
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	19.045.267.289
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	10.600.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24.134.000.000</b>	<b>30.105.600.000</b>
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	9.800.000.000	9.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thanh Hà	4.275.000.000	4.275.000.000
Công ty Cổ phần SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ xuất nhập khẩu Hà Nội	630.000.000	630.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	-	5.971.600.000
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	8.829.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>290.642.400</b>	<b>703.162.400</b>
Đầu tư dài hạn khác	290.642.400	703.162.400
<b>Cộng</b>	<b>54.069.909.689</b>	<b>60.454.029.689</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư**

<b>Tên Công ty</b>	<b>Giá trị đầu tư tại 31/12/2013</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>29.645.267.289</b>		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	71,87%	Dệt kim, gia công may XK
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	10.600.000.000	51,00%	May gia công xuất khẩu
<b>Đầu tư vào các Công ty liên kết</b>	<b>24.134.000.000</b>		
Công ty Cổ phần HAP CAPITAL	9.800.000.000	49,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà	4.275.000.000	26,93%	TM và SXKD sản phẩm may
Công ty Cổ phần SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	30,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ XNK Hà Nội	630.000.000	30,00%	Xuất nhập khẩu
Công ty Cổ phần Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	33,96%	May gia công xuất khẩu
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>290.642.400</b>		
Nguyễn Đắc Chiến	290.642.400		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2013	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Mua sắm mới	-	324.792.000	-	-	-	324.792.000
Tặng khác	-	49.130.160	-	180.327.273	-	229.457.433
Thanh lý, nhượng bán	-	536.594.975	2.565.508.155	46.600.000	-	3.148.703.130
Giảm theo TT45	22.769.000	362.680.360	-	399.706.157	85.996.542	871.152.059
Tại ngày 31/12/2013	91.794.402.933	211.499.754.086	554.569.663	284.533.768	30.013.200	304.163.273.650

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Khấu hao trong năm	4.153.919.994	18.873.426.863	82.785.893	67.084.517	2.765.832	23.179.983.099
Tặng khác	-	49.130.160	-	180.327.273	-	229.457.433
Thanh lý, nhượng bán	-	536.594.975	1.933.108.155	46.600.000	-	2.516.303.130
Giảm theo TT45	14.040.871	192.320.735	-	360.820.612	80.003.898	647.186.116
Tại ngày 31/12/2013	20.901.504.084	83.913.921.600	489.638.212	276.463.330	30.013.200	105.611.540.426
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	75.055.546.972	146.304.826.974	780.117.344	114.040.500	8.758.476	222.263.290.266
Tại ngày 31/12/2013	70.892.898.849	127.585.832.486	64.931.451	8.070.438	-	198.551.733.224



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi vay	125.962.409.504	87.762.076.138
Tiền thuê đất khu Ninh Hiệp	15.102.341.265	15.511.266.825
Công cụ dụng cụ	209.746.851	-
Khác	73.686.561	259.325.673
<b>Cộng</b>	<b>141.348.184.181</b>	<b>103.532.668.636</b>

## 12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>175.443.710.121</b>	<b>180.345.533.659</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	105.217.366.499	108.291.884.190
Ngân hàng TMCP Quân Đội (2)	10.547.761.551	10.410.192.927
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình (3)	39.203.282.071	39.099.456.542
Công ty Dệt kim Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Cán bộ công nhân viên trong Công ty (4)	10.295.300.000	12.994.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	-	800.000.000
Vay cá nhân	2.180.000.000	750.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>131.220.896.743</b>	<b>32.193.300.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	131.220.896.743	32.193.300.000
<b>Cộng</b>	<b>306.664.606.864</b>	<b>212.538.833.659</b>

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội số tiền là 97.282.841.060 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay từ 13,5% đến 14%/năm; Số tiền cho vay bằng USD là 529.026,58 USD, thời hạn vay 3 đến 4 tháng; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội, số tiền cho vay bằng USD là 500.249,54 USD, thời hạn vay từ 2 đến 4 tháng; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội), số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 31.242.695.564 đồng, lãi suất bình quân là 15,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng, khoản vay bằng USD là 377.547,38 USD lãi suất vay 7,5%/năm; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động.
- Khoản vay cán bộ công nhân viên kỳ hạn từ 3 đến 13 tháng, lãi suất từ 1,5% đến 2%/tháng.

## 13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.764.994.074	628.164.717
Thuế xuất nhập khẩu	152.773.621	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.205.904	8.884.318
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.500.596.040	1.500.596.040
Các khoản thuế khác	376.294.105	382.831.296
<b>Cộng</b>	<b>3.854.863.744</b>	<b>2.520.476.371</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 14. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	55.134.463	77.935.124
Bảo hiểm xã hội	4.067.145.858	2.550.953.162
Bảo hiểm y tế	278.758.612	104.512.751
Bộ Quốc Phòng	2.954.430.200	17.546.546.264
Phải trả Công ty Cổ phần May Thanh Trì	500.000.000	400.000.000
Lãi vay phải trả	145.099.259.877	106.465.058.893
- Lãi vay Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	2.672.000.000	1.856.000.000
- Lãi vay Ngân hàng HMCP Ngoại thương Việt Nam	95.000.623.358	67.950.117.063
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	11.863.417.833	10.553.966.880
- Lãi vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	25.436.275.001	17.121.028.108
- Lãi vay sử dụng cho dự án Nhà máy nước Đồng Anh	9.933.829.900	8.983.946.842
- Lãi vay cá nhân	193.113.785	-
Khác	3.656.433.368	6.786.280.173
<b>Cộng</b>	<b>156.611.162.378</b>	<b>133.931.286.367</b>

## 15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	64.309.250.000	161.004.846.743
<b>Cộng</b>	<b>64.309.250.000</b>	<b>161.004.846.743</b>

(1) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01-2004/HDTD/VCB/HAPROSIMEX ngày 21/7/2004, tổng số tiền cho vay bằng USD là 12.445.242,08 USD, thời hạn vay 89 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Ninh Hiệp, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án Xí nghiệp dệt kim, các quyền lợi phát sinh từ tài sản hình thành từ vốn vay và trụ sở làm việc tại 22 Hàng Lược, mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện dự án Đầu tư "Xí nghiệp Dệt kim". Số dư tại ngày 31/12/2013 là 8.480.000 USD tương ứng với 178.800.800.000 đồng, trong đó số đến hạn trả là 5.430.000 USD tương ứng với 114.491.550.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/08/DH/NHNTHN ngày 29/09/2008, tổng số tiền cho vay bằng VND là 19.970.346.743 VND, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ dự án di dời, đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất xí nghiệp mũ xuất khẩu; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí thiết kế, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà, xưởng và chi phí mua máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý của dự án. Số dư tại ngày 31/12/2013 là 16.729.346.743 đồng trong đó số đến hạn trả là 16.729.346.743 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lịch trả nợ của công ty chi tiết như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	131.220.896.743	32.193.300.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	64.309.250.000	161.004.846.743
<b>Cộng</b>	<b>195.530.146.743</b>	<b>193.198.146.743</b>
Nợ ngắn hạn đến hạn trả	131.220.896.743	32.193.300.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>64.309.250.000</b>	<b>161.004.846.743</b>

## 16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Khoản tiền thu từ việc cho Công ty Cổ phần thời trang NEM thuê một phần văn phòng số 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 34 năm kể từ khi bàn giao địa điểm cho thuê với tổng giá trị hợp đồng là 12.727.272.727 đồng (tổng giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng bao gồm cả thuế GTGT là 14 tỷ đồng). Số dư tại thời điểm 31/12/2013 là 11.604.230.000 đồng.
- Khoản tiền thu từ việc cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thuê 46,7m<sup>2</sup> thuộc một phần tầng 1 nhà 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 5 năm kể từ ngày 1/9/2013 đến 31/8/2018 với tổng giá trị hợp đồng là 3 tỷ đồng (tổng giá trị hợp đồng bao gồm cả thuế GTGT là 3,3 tỷ đồng). Số dư tại thời điểm 31/12/2013 là 2,6 tỷ đồng.

## 17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
<b>Tại ngày 1/1/2012</b>	<b>165.012.262.405</b>	<b>(39.300.600.377)</b>	<b>(135.209.774.147)</b>
Tăng vốn trong kỳ	12.476.766.809	-	-
Lỗi trong năm	-	-	(33.550.629.040)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	250.345.444	-
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>177.489.029.214</b>	<b>(39.050.254.933)</b>	<b>(168.760.403.187)</b>
Lỗi trong năm	-	-	(34.588.441.555)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	(2.330.525.110)	-
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>177.489.029.214</b>	<b>(41.380.780.043)</b>	<b>(203.348.844.742)</b>

## 18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	30.417.648.428	44.986.104.430
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.003.677.877	3.661.082.777
<b>Cộng</b>	<b>33.421.326.305</b>	<b>48.647.187.207</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>46.323.530</b>	<b>832.603.526</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>33.375.002.775</b>	<b>47.814.583.681</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	53.861.391.495	70.228.864.449
<b>Cộng</b>	<b>53.861.391.495</b>	<b>70.228.864.449</b>

**20. Doanh thu tài chính**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	28.238.396	151.667.562
Cổ tức, lợi nhuận được chia	958.925.365	3.151.805.500
Chênh lệch tỷ giá	30.988.689	17.337.743
Lãi bán cổ phần công ty Haprosimex JSC	3.703.392.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.721.544.450</b>	<b>3.320.810.805</b>

**21. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	6.071.180.224	1.654.305.792
Chênh lệch tỷ giá	41.106.735	117.644.293
Lỗ bán cổ phần	132.520.000	-
Chi phí tài chính khác	66.363.635	-
<b>Cộng</b>	<b>6.311.170.594</b>	<b>1.771.950.085</b>

**22. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý hàng tồn kho	933.075.606	9.524.449.727
Thu thanh lý tài sản cố định	1.838.372.989	1.473.622.409
Khác	277.458.203	700
<b>Cộng</b>	<b>3.048.906.798</b>	<b>10.998.072.836</b>

**23. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Hap Capital	15.013.900	45.854.797
<b>Vay trong năm</b>		
Công ty Cổ phần May Thanh Tri	1.000.000.000	900.000.000
<b>Gốc vay đã trả</b>		
Công ty Cổ phần May Thanh Tri	900.000.000	500.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## Số dư với các bên liên quan

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	-	800.000.000
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	2.672.000.000	1.856.000.000

## 24. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

## 25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Công ty là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng Ân  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Cự Tâm  
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 6176 Quyền số: 01/BS

Ngày: 18-10-2016



PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Hồng Nhung